



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 01

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT			7,3	8,5	6,8	7,5	0012345678910	0123456789
2	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT			8,3	9,5	8,8	8,9	0012345678910	0123456789
3	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC							0012345678910	0123456789
4	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD			7,7	9,0	8,8	8,5	0012345678910	0123456789
5	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC			6,4	6,0	6,0	6,1	0012345678910	0123456789
6	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC			1,5	0	0	0,5	0012345678910	0123456789
7	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC			7,2	0	0	2,2	0012345678910	0123456789
8	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT			8,6	8,8	8,8	8,7	0012345678910	0123456789
9	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT			8,4	8,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
10	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT			8,2	9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
11	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT			8,4	8,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
12	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC			9,2	8,0	4,0	6,8	0012345678910	0123456789
13	19118039	Bùi Ngọc Điệp	DH19CC			6,1	0	0	1,8	0012345678910	0123456789
14	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT			9,0	9,5	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
15	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT			8,7	9,3	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
16	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC			7,9	8,5	8,5	8,3	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 01

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT			7,8	8,8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
18	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT			4,3	0	0	1,3	0012345678910	0123456789
19	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT			8,3	9,5	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
20	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC			8,1	6,0	0	4,8	0012345678910	0123456789
21	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			4,0	5,0	3,3	4,0	0012345678910	0123456789
22	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC			7,8	8,5	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
23	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			7,4	8,8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
24	19118115	Phù Thiết Ki	DH19CC							0012345678910	0123456789
25	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD			8,0	9,3	9,8	9,1	0012345678910	0123456789
26	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD			5,1	5,0	7,5	6,0	0012345678910	0123456789
27	19118134	Lý Kim Luân	DH19CC			6,7	0	0	2,0	0012345678910	0123456789
28	19118145	Nguyễn Văn Minh	DH19CC			7,3	8,5	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
29	19118146	Thạch Minh	DH19CC			7,9	8,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
30	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC			1,6	0	0	0,5	0012345678910	0123456789
31	19118161	Lê Dương Thiện Nhân	DH19CC							0012345678910	0123456789
32	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT			9,2	9,0	8,0	8,7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 01

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC			7,8	9,0	6,0	7,4	0012345678910	0123456789
34	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT			7,1	6,0	3,0	5,1	0012345678910	0123456789
35	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC			7,9	9,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
36	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC			7,8	8,0	8,2	8,0	0012345678910	0123456789
37	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC			8,5	9,5	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
38	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC			6,9	7,5	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
39	19118260	Nguyễn Nhật Trường	DH19CC			7,2	9,0	8,5	8,3	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Trương Quang Tuấn

Cán bộ chấm thi 1

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 02

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							30 %	30 %	thi	T. kết		
1	19118003	Nguyễn Văn	Anh	DH19CC			8,5	9,0	7,5	8,3	0012345678910	0123456789
2	19118005	Lương Thái	Ban	DH19CC			7,9	8,8	4,0	6,6	0012345678910	0123456789
3	19118008	Lê Đình	Bảo	DH19CC			9,1	9,5	9,0	9,2	0012345678910	0123456789
4	19118048	Dương Hoàng	Duy	DH19CC			7,6	7,5	3,0	5,7	0012345678910	0123456789
5	19154033	Nguyễn Đức	Duy	DH19OT			7,4	9,0	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
6	19118055	Lê Tấn	Hải	DH19CC			8,7	9,0	9,5	8,7	0012345678910	0123456789
7	19118057	Huỳnh Gia	Hào	DH19CC			5,9	8,0	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
8	19118060	Dương Trung	Hậu	DH19CC			9,2	9,0	8,0	8,7	0012345678910	0123456789
9	19154040	Đào Công	Hậu	DH19OT			8,8	9,5	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
10	19118074	Ngô Minh	Hoàng	DH19CC			5,3	5,5	6,0	5,6	0012345678910	0123456789
11	19118079	Trần Lê Phúc	Hội	DH19CC			8,1	8,0	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
12	19154060	Trần Quang	Huy	DH19OT			9,1	9,5	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
13	19154062	Trần Quốc	Huy	DH19OT			8,2	8,0	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
14	19118102	Nguyễn Văn	Khá	DH19CC			8,3	8,5	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
15	19118103	Mai Hoàng	KHải	DH19CC			8,4	9,0	7,0	8,0	0012345678910	0123456789
16	19118104	Nguyễn Chí	KHải	DH19CC			7,2	7,0	7,0	7,1	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 02

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT			9,1	9,0	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
18	19118105	Lý Nhất Khang	DH19CC			8,4	8,0	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
19	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT			8,4	9,5	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
20	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT			7,6	8,8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
21	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC			8,6	9,0	8,8	8,8	0012345678910	0123456789
22	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC			7,6	7,3	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
23	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC			7,8	8,8	8,8	8,5	0012345678910	0123456789
24	19118135	Trần Hữu Luân	DH19CC			7,6	7,8	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
25	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			7,4	8,5	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
26	19118150	Nguyễn Hoài Nam	DH19CC			5,3	6,0	6,0	5,8	0012345678910	0123456789
27	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC			8,8	9,0	7,5	8,3	0012345678910	0123456789
28	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC			7,1	7,5	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
29	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC			7,2	0	0	2,2	0012345678910	0123456789
30	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			7,7	7,5	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
31	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT			7,5	9,5	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
32	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC			8,3	9,0	7,0	8,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 02

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT			7,5	8,0	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
34	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC			9,0	9,0	9,3	9,1	0012345678910	0123456789
35	19118258	Vũ Đình Trung	DH19CC			8,2	8,5	4,0	6,6	0012345678910	0123456789
36	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC			8,8	9,5	8,8	9,0	0012345678910	0123456789
37	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC			4,6	9	9	4,4	0012345678910	0123456789
38	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC			7,6	9,0	5,0	7,0	0012345678910	0123456789
39	19118284	Lâm Tuấn Vỹ	DH19CC			8,9	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 03

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT			8,2	9,0	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
2	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC			7,5	7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
3	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC			8,5	8,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
4	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT			7,6	8,0	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
5	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC			4,8	0	0	1,4	0012345678910	0123456789
6	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC			7,7	7,5	6,8	7,3	0012345678910	0123456789
7	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC			8,8	7,5	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
8	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC			5,5	4,0	4,0	4,5	0012345678910	0123456789
9	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC			6,7	8,8	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
10	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			4,8	7,0	8,0	6,7	0012345678910	0123456789
11	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC			1,9	0	0	9,6	0012345678910	0123456789
12	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC			9,4	9,5	8,5	9,1	0012345678910	0123456789
13	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC			5,8	8,0	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
14	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT			6,8	0	0	2,0	0012345678910	0123456789
15	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT			7,4	8,0	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
16	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			8,9	8,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 03

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC			9,0	9,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
18	19118107	Phạm Vĩnh Khang	DH19CC			5,0	6,0	6,3	5,8	0012345678910	0123456789
19	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			2,6	0	0	0,8	0012345678910	0123456789
20	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC			9,3	9,5	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
21	19118139	Đinh Minh Mẫn	DH19CC			7,6	7,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
22	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			8,0	9,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
23	19118162	Nguyễn Duy Trọng Nhân	DH19CC							0012345678910	0123456789
24	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC			9,4	9,5	9,0	9,3	0012345678910	0123456789
25	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC			9,0	9,5	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
26	19118173	Bùi Trung Phong	DH19CC			5,1	0	0	1,5	0012345678910	0123456789
27	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC			8,3	8,5	8,8	8,6	0012345678910	0123456789
28	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC			9,0	7,0	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
29	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC			8,0	9,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
30	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK			7,6	8,0	5,0	6,7	0012345678910	0123456789
31	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC			5,7	0	0	1,7	0012345678910	0123456789
32	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC			7,5	8,5	8,0	8,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 03

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK			70	70	70	70	0012345678910	0123456789
34	19118230	Nguyễn Thị Anh	DH19CC			9,1	9,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
35	19118235	Trần Thành	DH19CC			74	0	0	2,2	0012345678910	0123456789
36	19154168	Lê Chánh	DH19OT			8,2	9,0	9,0	8,8	0012345678910	0123456789
37	19118254	Huỳnh Như	DH19CC			8,0	9,0	8,8	8,6	0012345678910	0123456789
38	18153078	Tô Trung	DH18CD			75	75	75	76	0012345678910	0123456789
39	19118263	Võ Văn	DH19CC			68	70	70	6,9	0012345678910	0123456789
40	19118285	Phạm Huỳnh Phúc	DH19CC			8,6	9,0	8,0	8,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn


Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1


Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Cán bộ chấm thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 08

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			7,9	9,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
2	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC			6,8	8,5	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
3	19118295	Huỳnh Tấn HỌc	DH19CKC			5,5	6,5	7,0	6,4	0012345678910	0123456789
4	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			7,8	9,0	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
5	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC			4,0	6,0	4,0	4,6	0012345678910	0123456789
6	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC			7,1	8,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
7	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC			6,7	8,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
8	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC			7,8	7,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
9	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			3,8	6,0	2	2,9	0012345678910	0123456789
10	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC			7,5	8,0	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
11	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			8,5	8,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
12	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC			6,8	8,8	8,8	8,2	0012345678910	0123456789
13	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DH17CKC			7,7	8,5	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
14	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			8,4	9,0	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
15	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC			7,7	8,5	8,0	8,1	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trưởng Đoàn Trưởng

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 01

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK				9	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
2	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK				7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
3	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK						0	0012345678910	0123456789
4	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK				7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
5	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
6	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK				7	8	7,7	0012345678910	0123456789
7	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK				8,5	9	8,9	0012345678910	0123456789
8	17118046	Trần Khải	DH17CK				7,0	6	6,3	0012345678910	0123456789
9	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK				7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
10	17118059	Nguyễn Hoàng Yến Mi	DH17CK				7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
11	16118102	Phạm Nhựt Minh	DH16CK				7	8	7,7	0012345678910	0123456789
12	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK				6	5	5,3	0012345678910	0123456789
13	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
14	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
15	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK				6,5	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
16	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK				7	7	7,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 01

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK				7	7	7,0	0012345678910	0123456789
18	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
19	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK				6	6	6,0	0012345678910	0123456789
20	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
21	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK				5	5	5,0	0012345678910	0123456789
22	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK				7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Duy Lam

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Phạm Duy Lam



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 02

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK				6,5	7	6,9	0012345678910	0123456789
2	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK				9	9	9,0	0012345678910	0123456789
3	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK				7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
4	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK				7	7	7,0	0012345678910	0123456789
5	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK				6	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
6	18118051	Bùi Huynh	DH18CK				7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
7	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK				9	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
8	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK				7	7	7,0	0012345678910	0123456789
9	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK				9	9	9,0	0012345678910	0123456789
10	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK				8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
11	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK				5	5	5,0	0012345678910	0123456789
12	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK				6,5	7	6,9	0012345678910	0123456789
13	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK				6	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
14	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK				9	9	9,0	0012345678910	0123456789
15	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK				6,5	7	6,9	0012345678910	0123456789
16	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK				6,5	7	6,9	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 02

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK				9	9	9,0	0012345678910	0123456789
18	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
19	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK				8,5	9	8,9	0012345678910	0123456789
20	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK				9	9	9,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 00

Hiện diện: 20

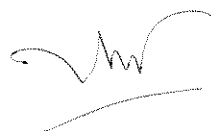
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Phạm Duy Lam


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Phạm Duy Lam



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 03

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK				7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
2	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK				9	9	9,0	0012345678910	0123456789
3	18118023	Nguyễn Tấn Diên	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
4	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK				7	7	7,0	0012345678910	0123456789
5	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK				7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
6	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK				7	7	7,0	0012345678910	0123456789
7	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK				9	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
8	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
9	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
10	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK				6,5	7	6,9	0012345678910	0123456789
11	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK				9,5	9	9,2	0012345678910	0123456789
12	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK				9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
13	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK				7	7	7,0	0012345678910	0123456789
14	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK				6	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
15	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK				7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
16	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK				6,5	6,5	6,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 03

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK				7	7	7,0	0012345678910	0123456789
18	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK				5	5	5,0	0012345678910	0123456789
19	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK				6	6	6,0	0012345678910	0123456789
20	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK				6	6	6,0	0012345678910	0123456789
21	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK				7	7	7,0	0012345678910	0123456789
22	18118182	Ngô Văn Việt	DH18CK				8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
23	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK				5	5	5,0	0012345678910	0123456789
24	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK				6	7	6,7	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 00

Hiện diện: 24

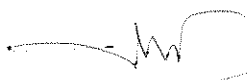
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

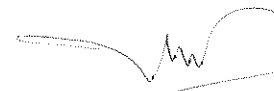
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Phạm Duy Lam


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Phạm Duy Lam



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Máy gieo trồng (207336) - 01

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK				6,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
2	18118010	Nguyễn Hoàng Chinh	DH18CK				5,5	5	5,2	0012345678910	0123456789
3	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
4	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK						0	0012345678910	0123456789
5	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK				5	5	5,0	0012345678910	0123456789
6	18118023	Nguyễn Tấn Diễm	DH18CK				6	6	6,0	0012345678910	0123456789
7	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK				6	6	6,0	0012345678910	0123456789
8	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK				5	5	5,0	0012345678910	0123456789
9	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK				7	7	7,0	0012345678910	0123456789
10	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK				7,5	6	6,5	0012345678910	0123456789
11	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
12	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
13	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK				7,5	7	7,2	0012345678910	0123456789
14	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK				7	7	7,0	0012345678910	0123456789
15	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK				7,5	7	7,2	0012345678910	0123456789
16	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK				6,5	6	6,2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Máy gieo trồng (207336) - 01

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118051	Bùi Huynh	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
18	18118055	Lê Minh	DH18CK				7	7	7,0	0012345678910	0123456789
19	18118060	Trần Bá	DH18CK				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
20	18118071	Huỳnh Quốc	DH18CK				5	5	5,0	0012345678910	0123456789
21	18118074	Nguyễn Phi	DH18CK				5	5	5,0	0012345678910	0123456789
22	18118075	Nguyễn Thành	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
23	18118076	Phạm Văn	DH18CK				7	7	7,0	0012345678910	0123456789
24	18118068	Lê Quang	DH18CK				6,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
25	18118082	Nguyễn Đình	DH18CK				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
26	18118092	Nguyễn Trọng	DH18CK				6	6	6,0	0012345678910	0123456789
27	18118098	Nguyễn Trung	DH18CK				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
28	18118103	Nguyễn Thuận	DH18CK				9	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
29	18118104	Nguyễn Thanh	DH18CK				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
30	18118106	Phùng Minh	DH18CK				6	6	6,0	0012345678910	0123456789
31	18118109	Nguyễn Huỳnh	DH18CK				7	6	6,3	0012345678910	0123456789
32	18118110	Vũ Toàn	DH18CK				8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Máy gieo trồng (207336) - 01

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK				7	6	6,3	0012345678910	0123456789
34	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK				8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
35	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK				8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
36	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK				8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
37	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK				9	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
38	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
39	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK				7,5	7	7,2	0012345678910	0123456789
40	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK				6	6	6,0	0012345678910	0123456789
41	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK				7	6	6,3	0012345678910	0123456789
42	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
43	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK				6,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
44	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK				6	5	5,3	0012345678910	0123456789
45	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK				6,5	6	6,2	0012345678910	0123456789
46	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK				6	6	6,0	0012345678910	0123456789
47	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
48	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK				7	6	6,3	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Máy gieo trồng (207336) - 01

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK				6	6	6,0	0012345678910	0123456789
50	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK				7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
51	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK				6	6	6,0	0012345678910	0123456789
52	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK				6	6	6,0	0012345678910	0123456789
53	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK				7	6	6,3	0012345678910	0123456789
54	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
55	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
56	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
57	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
58	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK				8	8	8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 57

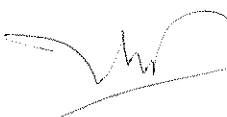
Cán bộ coi thi 1

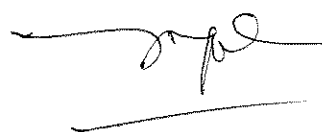
Cán bộ coi thi 2

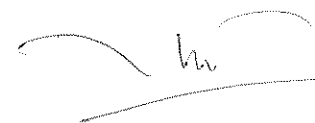
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Phạm Duy Lam


TS. Nguyễn Đức Khuyên


Phạm Duy Lam



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Bơm quạt máy nén (207401) - 01

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL			8	7,5	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
2	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL			8	8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
3	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL			7,5	8	8	7,9	0012345678910	0123456789
4	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL			7,5	8	8	7,9	0012345678910	0123456789
5	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL			8	8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
6	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL			8,5	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
7	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL			7,5	8	8	7,9	0012345678910	0123456789
8	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL			9,5	8	8	8,3	0012345678910	0123456789
9	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL			5	8	8	7,4	0012345678910	0123456789
10	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL			6,5	7	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
11	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL			6	8	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
12	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL			8,5	8	9	8,7	0012345678910	0123456789
13	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL			8,5	8	9	8,7	0012345678910	0123456789
14	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL			8	7,5	8	7,9	0012345678910	0123456789
15	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL			3	8	8,5	7,3	0012345678910	0123456789
16	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL			9	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Bơm quạt máy nén (207401) - 01

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL			6	7,5	7	6,9	0012345678910	0123456789
18	19137028	Sâm Khắc Huy	DH19NL			9	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
19	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL			9	8,5	9	8,9	0012345678910	0123456789
20	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL			9	8,5	9	8,9	0012345678910	0123456789
21	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
22	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL			6	8	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
23	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL			6	8	8	7,6	0012345678910	0123456789
24	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL			7,5	8,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
25	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL			8	8,5	9	8,7	0012345678910	0123456789
26	13137083	Chu Bá Hoàng Lâm	DH13NL			0	8,5	7,5	6,2	0012345678910	0123456789
27	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL			3	8,5	8	7,1	0012345678910	0123456789
28	19137042	Bùi Thị Yến Mi	DH19NL			8	8,5	9,5	9,0	0012345678910	0123456789
29	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL			8	8,5	9	8,7	0012345678910	0123456789
30	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL			6	8,5	8	7,7	0012345678910	0123456789
31	19137045	Nguyễn Ngọc Hoàng Ngọc	DH19NL			6	8,5	5	5,9	0012345678910	0123456789
32	19137046	Nguyễn Phúc Nguyễn	DH19NL			7	8,5	9	8,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Bơm quạt máy nén (207401) - 01

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL			2	8,5	8,5	7,2	0012345678910	0123456789
34	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL			8	8,5	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
35	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL			5	8,5	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
36	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL			6	8,5	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
37	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL			9	8,5	9	8,9	0012345678910	0123456789
38	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL			8,5	8,5	9	8,8	0012345678910	0123456789
39	19137055	Nguyễn Thị Yến Quyên	DH19NL			9,5	8,5	9	9,0	0012345678910	0123456789
40	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL			7	8,5	8	7,9	0012345678910	0123456789
41	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL			8	8,5	8	8,1	0012345678910	0123456789
42	19137058	Cao Tấn Tài	DH19NL							0012345678910	0123456789
43	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL			8	8,5	8	8,1	0012345678910	0123456789
44	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL			6	9	8	7,8	0012345678910	0123456789
45	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL			9	9	9	9,0	0012345678910	0123456789
46	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL			7	9	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
47	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL			5,5	9	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
48	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL			6	9	8	7,8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Bơm quạt máy nén (207401) - 01

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đ1%	Đ2 Đ2%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL			7,5	9	7	7,5	0012345678910	0123456789
50	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL			6	9	7	7,2	0012345678910	0123456789
51	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL			6,5	9	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
52	19137065	Phạm Phước Thắng	DH19NL			6	9	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
53	19137071	Bùi Quang Thoại	DH19NL			7,5	8,5	7	7,4	0012345678910	0123456789
54	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL							0012345678910	0123456789
55	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL			7,5	8,5	8	8,0	0012345678910	0123456789
56	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL			9	9	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
57	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL			7,5	9	7	7,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 02

Hiện diện: 55

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyển

TS. Lê Quang Giảng



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đo lường & TĐ hóa trong TBL (207410) - 01

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			8,5	8,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
2	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL			9,5	9,5	9	9,2	0012345678910	0123456789
3	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			9	8,5	8	8,3	0012345678910	0123456789
4	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			9	9,5	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
5	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			8,5	9	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
6	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			9	9,5	8	8,5	0012345678910	0123456789
7	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			9	9,5	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
8	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD			8,5	9	9	8,9	0012345678910	0123456789
9	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			8	9	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
10	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			7,5	9	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
11	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			8,5	9	8	8,3	0012345678910	0123456789
12	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			7,5	9	7	7,5	0012345678910	0123456789
13	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL			8,5	8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
14	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			8,5	9	9	8,9	0012345678910	0123456789
15	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			8,5	9	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
16	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			9	9	8,5	8,7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đo lường & TĐ hóa trong TBL (207410) - 01

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đ1 %	Đ2 Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			8,5	9	9	8,9	0012345678910	0123456789
18	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL			8,5	9	9	8,9	0012345678910	0123456789
19	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL			8,5	9	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
20	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL			9	9	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
21	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL			8,5	9	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
22	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL			8,5	8,5	9	8,8	0012345678910	0123456789
23	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL			8,5	8,5	9	8,8	0012345678910	0123456789
24	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL			8	9	8	8,2	0012345678910	0123456789
25	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL			8	9	9	8,8	0012345678910	0123456789
26	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL			9	9	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
27	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
28	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL			8	8,5	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
29	18137047	Hồngnguyễn Phi Trường	DH18NL			8,5	9	8,5	8,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Lê Quang Giảng



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết bị trao đổi nhiệt (207417) - 01

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			10	9,0	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
2	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL			6,5	7,5	4	5,2	0012345678910	0123456789
3	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC			5,5	8	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
4	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC							0012345678910	0123456789
5	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			7,5	8,5	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
6	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC			5,5	9	8	7,7	0012345678910	0123456789
7	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC			7,5	9	9	8,7	0012345678910	0123456789
8	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC			9,5	8,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
9	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC							0012345678910	0123456789
10	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC			6,5	9	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
11	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC			6	7	8	7,4	0012345678910	0123456789
12	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC			0	8,5	6,5	5,6	0012345678910	0123456789
13	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC			10	9	8,5	8,9	0012345678910	0123456789
14	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC			6,5	7	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
15	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC			6	7,5	4	5,1	0012345678910	0123456789
16	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC			8,5	7	8,5	8,2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết bị trao đổi nhiệt (207417) - 01

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC			6	8	9	8,2	0012345678910	0123456789
18	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC			6,5	9	8	7,9	0012345678910	0123456789
19	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC			6,5		7,5	5,8	0012345678910	0123456789
20	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC							0012345678910	0123456789
21	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC			7	8	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
22	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC			6,5	7	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
23	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC			6,5	9	6	6,7	0012345678910	0123456789
24	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC			7	9	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
25	19118039	Bùi Ngọc Điệp	DH19CC			6,5	7,5	6	6,4	0012345678910	0123456789
26	19118041	K' Đông	DH19CC			7,5	7	5	5,9	0012345678910	0123456789
27	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			9,5	8,5	8	8,4	0012345678910	0123456789
28	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC			6	6,5	8,5	7,6	0012345678910	0123456789
29	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC			6	8,5	9	8,3	0012345678910	0123456789
30	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			7	9	9	8,6	0012345678910	0123456789
31	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			4	8	8	7,2	0012345678910	0123456789
32	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC			6,5	8,5	6,5	6,9	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết bị trao đổi nhiệt (207417) - 01

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đ1 %	Đ2 Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118079	Trần Lê Phúc	Hội	DH19CC		10	7,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
34	19118085	Đặng Minh	Huy	DH19CC		5,5	9	8	7,7	0012345678910	0123456789
35	19118094	Nguyễn Nam	Huy	DH19CC		7	7,5	9	8,3	0012345678910	0123456789
36	19118082	Nguyễn Cao	Hung	DH19CC		6,5	8	8	7,7	0012345678910	0123456789
37	19118084	Trần Trọng	Hữu	DH19CC		8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
38	19118101	Lê Duy	Kha	DH19CC		6	8	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
39	19118102	Nguyễn Văn	Khá	DH19CC		8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
40	19118103	Mai Hoàng	KHải	DH19CC		9,5	9	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
41	19118105	Lý Nhât	Khang	DH19CC		6,5	8,5	8	7,8	0012345678910	0123456789
42	19118107	Phạm Vĩnh	Khang	DH19CC		7	7	7	7,0	0012345678910	0123456789
43	19118110	Lâm Hào	Khôn	DH19CC		7	7	8	7,6	0012345678910	0123456789
44	19118115	Phù Thiết	Ki	DH19CC						0012345678910	0123456789
45	19118116	Lâm Văn	La	DH19CC		4	6,5	5	5,1	0012345678910	0123456789
46	19118117	Nguyễn Trường	Lâm	DH19CC		5		8	7,8	0012345678910	0123456789
47	19118122	Đinh Kỳ	Linh	DH19CC		9	9	9	9,0	0012345678910	0123456789
48	19118131	Lê Hoàng	Long	DH19CC		9,5	9	9,5	9,4	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết bị trao đổi nhiệt (207417) - 01

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118133	Trần Hữu Khánh Luân	DH19CC			9,5	8,5	9	9,0	0012345678910	0123456789
50	19118134	Lý Kim Luân	DH19CC			5	9	8	7,6	0012345678910	0123456789
51	19118135	Trần Hữu Luân	DH19CC			8,5	8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
52	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			8	9	9	8,8	0012345678910	0123456789
53	19118139	Đinh Minh Mẫn	DH19CC			8	9	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
54	19118145	Nguyễn Văn Minh	DH19CC			6,5	8	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
55	19118150	Nguyễn Hoài Nam	DH19CC			5	8	8,5	7,7	0012345678910	0123456789
56	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			7,5	8,5	9	8,6	0012345678910	0123456789
57	19118159	Đinh Quang Nguyên	DH19CC			6,5	8	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
58	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC							0012345678910	0123456789
59	19118161	Lê Dương Thiện Nhân	DH19CC							0012345678910	0123456789
60	19118162	Nguyễn Duy Trọng Nhân	DH19CC							0012345678910	0123456789
61	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
62	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC			6,5	9	8	7,9	0012345678910	0123456789
63	19118173	Bùi Trung Phong	DH19CC			5	9	6	6,4	0012345678910	0123456789
64	19118177	Nguyễn Trường Phong	DH19CC			4,5	9	8	7,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết bị trao đổi nhiệt (207417) - 01

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118179	Nguyễn Lê Phú	DH19CC			6	9	9	8,4	0012345678910	0123456789
66	19118182	Lê Đình Phước	DH19CC			7	7	7	7,0	0012345678910	0123456789
67	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC			6,5	9	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
68	19118185	Nguyễn Hoàng Quân	DH19CC			5	6,5	8	7,1	0012345678910	0123456789
69	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC			3	8,5	8	7,1	0012345678910	0123456789
70	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC			7	9	8	8,0	0012345678910	0123456789
71	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC			8,5	9	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
72	19118202	Nguyễn Minh Tâm	DH19CC							0012345678910	0123456789
73	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC			7,5	9	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
74	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC			6	7,5	8	7,5	0012345678910	0123456789
75	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC			7	8,5	8	7,9	0012345678910	0123456789
76	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			9	7,5	9	8,7	0012345678910	0123456789
77	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC			6,5	8	9	8,3	0012345678910	0123456789
78	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC			5,5	9	9	8,3	0012345678910	0123456789
79	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC			10	9	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
80	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC							0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết bị trao đổi nhiệt (207417) - 01

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 Đ1%	Đ2 Đ2%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
81	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC			8,5	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
82	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CC			7	8,5	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
83	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC			8,5	9	9	8,9	0012345678910	0123456789
84	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC			7,5	8	8	7,9	0012345678910	0123456789
85	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC			8,5	9	9	8,9	0012345678910	0123456789
86	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC			6	8,5	8	7,8	0012345678910	0123456789
87	19118246	Nguyễn Văn Toàn	DH19CC			6	9	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
88	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC			8,5	8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
89	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC			8,5	8,5	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
90	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC			8,5	8,5	9	8,8	0012345678910	0123456789
91	19118258	Vũ Đình Trung	DH19CC			8,5	8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
92	19118260	Nguyễn Nhật Trường	DH19CC			8	9	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
93	19118262	Thái Văn Trường	DH19CC			10	9,5	9,5	9,6	0012345678910	0123456789
94	19118263	Võ Văn Tư	DH19CC			8	8,5	8	8,1	0012345678910	0123456789
95	19118278	Phan Văn Vĩnh	DH19CC			0	5	8	7,8	0012345678910	0123456789
96	19118279	Bùi Bá Vũ	DH19CC			8,5	9	8	8,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02887

Trang 7/7

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết bị trao đổi nhiệt (207417) - 01

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
97	19118280	Nguyễn Hoàng Vũ	DH19CC			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
98	19118284	Lâm Tuấn Vỹ	DH19CC			8	9	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
99	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			7,5	5	7,5	7,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 09

Hiện diện: 90

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Lê Quang Giảng



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết bị trao đổi nhiệt (207417) - 02

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 90%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL			7,5	8	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
2	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL			5	7,5	8,5	7,6	0012345678910	0123456789
3	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL			6,5	8,5	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
4	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL			6,5	8,5	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
5	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL			8,5	8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
6	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL			6,5	8,5	9	8,4	0012345678910	0123456789
7	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC			6	9	9	8,4	0012345678910	0123456789
8	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL			6,5	8	7	7,1	0012345678910	0123456789
9	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL			8,5	8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
10	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC			5	8,5	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
11	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL			6	8,5	7	7,1	0012345678910	0123456789
12	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL			5	8	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
13	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL			4	8	8	7,2	0012345678910	0123456789
14	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL			6	8,5	9	8,3	0012345678910	0123456789
15	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL			5	7	5	5,4	0012345678910	0123456789
16	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL			7	8,5	8	7,9	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết bị trao đổi nhiệt (207417) - 02

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC			5	8,5	8	7,5	0012345678910	0123456789
18	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL			8	8,5	8	8,1	0012345678910	0123456789
19	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL			5	7	8	7,2	0012345678910	0123456789
20	19137028	Sâm Khắc Huy	DH19NL			8,5	8,5	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
21	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL			7	7,5	8	7,7	0012345678910	0123456789
22	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL			5	8	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
23	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL			6,5	8	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
24	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL			5	8	8	7,4	0012345678910	0123456789
25	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL			5,5	8	8	7,5	0012345678910	0123456789
26	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL			7	8,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
27	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL			5	8,5	9,5	8,4	0012345678910	0123456789
28	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL			6,5	8	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
29	19137042	Bùi Thị Yến Mi	DH19NL			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
30	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL			6	8,5	6	6,5	0012345678910	0123456789
31	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL			9	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
32	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL			8	8,5	7,5	7,8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết bị trao đổi nhiệt (207417) - 02

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			5	8,5	7	6,9	0012345678910	0123456789
34	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL			7	8	4	5,4	0012345678910	0123456789
35	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL			7	8,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
36	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL			7,5	8,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
37	19118178	Phạm Hoàng Phong	DH19CC							0012345678910	0123456789
38	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL			8,5	7,5	9	8,6	0012345678910	0123456789
39	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL			9,5	8,5	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
40	19137055	Nguyễn Thị Yến	DH19NL			6,5	8,5	8	7,8	0012345678910	0123456789
41	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL			7,5	8,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
42	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL			5	8,5	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
43	19137058	Cao Tấn Tài	DH19NL			X			X	0012345678910	0123456789
44	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL			5,5	8,5	9	8,2	0012345678910	0123456789
45	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL			6,5	8,5	8	7,8	0012345678910	0123456789
46	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL			9	8,5	9	8,9	0012345678910	0123456789
47	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL			7	8,5	8	7,9	0012345678910	0123456789
48	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL			X			X	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thiết bị trao đổi nhiệt (207417) - 02

CBGD: Lê Quang Giảng (441)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 90%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
49	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL			4	8,5	8	7,3	0012345678910	0123456789
50	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL			8	8,5	9	8,7	0012345678910	0123456789
51	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL			10	8,5	9	9,1	0012345678910	0123456789
52	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL			6,5	8,5	9	8,4	0012345678910	0123456789
53	19137065	Phạm Phước Thắng	DH19NL			5	8	5	5,6	0012345678910	0123456789
54	19137071	Bùi Quang Thoại	DH19NL							0012345678910	0123456789
55	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL							0012345678910	0123456789
56	19118251	Trần Thị Thiên Trang	DH19CC			5	8,5	9,5	8,4	0012345678910	0123456789
57	19118250	Huỳnh Trần Bảo Trân	DH19CC			5	8,5	9	8,1	0012345678910	0123456789
58	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL			7	8,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
59	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL			10	8,5	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
60	19118269	Trần Nguyễn Đức Tuấn	DH19CC							0012345678910	0123456789
61	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL			5,5	8,5	7,5	7,3	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 06

Hiện diện: 55

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Lê Quang Giảng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật năng lượng nhiệt điện (207425) - 01

CBGD: Nguyễn Đức Khuyến (765)

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật năng lượng nhiệt điện (207425) - 01												
STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc	Bình	DH18NL				9	9	9,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18137006	Bùi Văn	Cương	DH18NL				9	9	9,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18137007	Đào Chí	Cường	DH18NL				9	8	8,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
4	18137013	Nguyễn Tiến	Dũng	DH18NL				9	8	8,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
5	18137011	Nguyễn Thanh	Đạt	DH18NL				9	8	8,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
6	18137012	Nguyễn Ngọc	Đông	DH18NL				7	7	7,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18137017	Huỳnh Thanh	Hiếu	DH18NL				9	8	8,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
8	18137018	Nguyễn Duy	Hoài	DH18NL				9	9	9,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18137021	Hồ Xuân	Hùng	DH18NL				9	7	7,6	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
10	19137028	Sầm Khắc	Huy	DH19NL				9	9	9,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19137031	Đặng Hoàng	Khang	DH19NL				9	8	8,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
12	18137024	Trần Đăng	Khoa	DH18NL				9	8	8,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
13	18137026	Huỳnh Đa	Lộc	DH18NL				9	8	8,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
14	18137028	Cao Tấn	Nam	DH18NL				9	9	9,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18137029	Nguyễn Huỳnh	Nam	DH18NL				9	8	8,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
16	18137031	Nguyễn Thành	Phát	DH18NL				9	8	8,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật năng lượng nhiệt điện (207425) - 01

CBGD: Nguyễn Đức Khuyến (765)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL				9	8	8,3	001234567●910	012●456789
18	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL				9	8	8,3	001234567●910	012●456789
19	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL				9	8	8,3	001234567●910	012●456789
20	18137036	Nguyễn Đình Anh	DH18NL				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
21	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
22	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL				9	8	8,3	001234567●910	012●456789
23	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL				9	8	8,3	001234567●910	012●456789
24	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
25	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL				9	8	8,3	001234567●910	012●456789
26	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789
27	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
28	18137047	Hồngnguyễn Phi	DH18NL				7	8	7,7	00123456●8910	0123456●89
29	18137050	Nguyễn Thị Yên	DH18NL				9	9	9,0	0012345678●10	●123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207432) - 01

CBGD: Nguyễn Đức Khuyển (765)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	17137002	Trương Quốc An	DH17NL					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	17137006	Lưu Nhật Chí	DH17NL					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207432) - 01

CBGD: Nguyễn Đức Khuyến (765)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
						%	%	thi	T. kết		
17	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
18	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL					7	7	00123456●8910	●123456789
19	17137023	Mai Văn Hòa	DH17NL					7	7	00123456●8910	●123456789
20	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL					9	9	0012345678●10	●123456789
21	17137026	PhanPhước Hoàng	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
22	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL					✓	✓	●012345678910	0123456789
23	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
24	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL					7	7	00123456●8910	●123456789
25	17137032	Trần Minh Huy	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
26	17137033	Phan Đình Huỳnh	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
27	16137034	Nguyễn Nho Hưng	DH16NL					8	8	001234567●910	●123456789
28	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
29	17137034	Đỗ Thích Khang	DH17NL					✓	✓	●012345678910	0123456789
30	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
31	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
32	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Đức Khuyến (765)

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207432) - 01

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
						%	%	thi	T. kết		
33	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
34	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL					✓	✓	●012345678910	0123456789
35	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
36	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
37	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL					8	8	001234567●910	●123456789
38	17137046	Nguyễn Na Na	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
39	17137050	Võ Tấn Ngoan	DH17NL					8	8	001234567●910	●123456789
40	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
41	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
42	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL					7	7	00123456●8910	●123456789
43	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
44	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
45	17137058	Ngô Thành Quý	DH17NL					8	8	001234567●910	●123456789
46	17137059	Phan Thị Thảo Quyên	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
47	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789
48	17137062	Lê Thị Cẩm Thạch	DH17NL					9	9	0012345678●10	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập sản xuất (207432) - 01

CBGD: Nguyễn Đức Khuyển (765)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
						%	%	thi	T. kết		
49	17137063	Võ Anh Thi	DH17NL					8	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
50	17137064	Đỗ Duy Thiện	DH17NL					9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
51	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL					✓	✓	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
52	17137065	Ngô Văn Thịnh	DH17NL					9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
53	17137067	Nguyễn Công Thúc	DH17NL					9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
54	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL					9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
55	17137070	Hồ Thị Đài Trang	DH17NL					9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
56	17137071	Trần Thùy Trang	DH17NL					9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
57	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL					9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
58	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL					9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
59	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL					9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
60	17115132	Lê Huỳnh Hoàng Vân	DH17NL					9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
61	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL					9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
62	17137079	Nguyễn An Hoàng	DH17NL					9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
63	18137050	Nguyễn Thị Yến	DH18NL					9	9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vãng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 28/03/2022 10:09

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Nguyễn Đức Khuyển (765)

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành nhiệt lạnh (207435) - 01

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	21137042	Huỳnh Phúc An	DH21NL				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
2	21137043	Đinh Hoàng Anh	DH21NL				0	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	21137044	Nguyễn Vũ HoàNg Anh	DH21NL				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
4	21137047	Nguyễn Nhật Bảo	DH21NL				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
5	21137048	Trần Xuân Bảo	DH21NL				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
6	21137045	Trịnh Tuấn Bằng	DH21NL				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
7	21137049	Trần Thanh Bình	DH21NL				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
8	21137050	Đặng Mậu Quốc Cảnh	DH21NL				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
9	21137051	Võ Ngọc Chinh	DH21NL				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
10	21137052	Đặng Văn Cường	DH21NL				9	6	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
11	21137053	Hoàng Gia Cường	DH21NL				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
12	21137054	Tạ Quốc Cường	DH21NL				8	7	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
13	21137064	Bùi Ngọc Khánh Duy	DH21NL				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
14	21137006	Nguyễn Bảo Duy	DH21NL				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
15	21137055	Nguyễn Văn Đại	DH21NL				7	8	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
16	21137056	Đoàn Tiến Đạt	DH21NL				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành nhiệt lạnh (207435) - 01

CBGD: Nguyễn Đức Khuyến (765)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	21137058	Hà Văn Đạt	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
18	21137059	Nguyễn Thành Đạt	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
19	21137060	Nguyễn Thiên Định	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
20	21137005	Trần Thành Đô	DH21NL				8	8	8,0	001234567●910	●123456789
21	21137062	Cao Hữu Đông	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
22	21137063	Nguyễn Minh Đức	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
23	21137067	Trần Nguyễn Hoàng Gia	DH21NL				7	7	7,0	00123456●8910	●123456789
24	21137069	Dương Tiến Hải	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
25	21137070	Trương Ngọc Hải	DH21NL				9	8	8,3	001234567●910	012●456789
26	21137071	Nguyễn Văn Hào	DH21NL				7	7	7,0	00123456●8910	●123456789
27	21137009	Nguyễn Thanh Hiền	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
28	21137073	Trần Hưng Hiền	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
29	21137074	Huỳnh Ngọc Hiền	DH21NL				7	7	7,0	00123456●8910	●123456789
30	21137010	Nguyễn Quốc Hiệp	DH21NL				0	V	✓	●012345678910	0123456789
31	21137075	Thái Văn Hiệp	DH21NL				8	7	7,3	00123456●8910	012●456789
32	21137011	Phan Xuân Hiếu	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành nhiệt lạnh (207435) - 01

CBGD: Nguyễn Đức Khuyển (765)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	21137077	Nguyễn Huy Hoàng	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
34	21137078	Nguyễn Huy Hoàng	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
35	21137080	Trần Nhật Hùng	DH21NL				8	8	8,0	001234567●910	●123456789
36	21137082	Huỳnh Văn Huy	DH21NL				8	8	8,0	001234567●910	●123456789
37	21137083	Lương Quốc Huy	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
38	21137084	Nguyễn Minh Huy	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
39	21137085	Phạm Nhật Huy	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
40	21137086	Tổng Nguyễn Gia Huy	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
41	21137013	Mai Tuấn Hưng	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
42	21137081	Trần Vũ Hưng	DH21NL				9	8	8,3	001234567●910	012●456789
43	21137087	Dương Khang	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
44	21137089	Trần Đăng Khoa	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
45	21137090	Đoàn Quang Khôi	DH21NL				0	✓	✓	●012345678910	0123456789
46	21137091	Lê Hoàng Khôi	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
47	21137092	Nguyễn Đăng Khôi	DH21NL				9	7	7,6	00123456●8910	012345●789
48	21137094	Trần Công Khương	DH21NL				9	5	6,2	0012345●78910	01●3456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành nhiệt lạnh (207435) - 01

CBGD: Nguyễn Đức Khuyến (765)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
49	21137098	Đoàn Bùi Thanh Liêm	DH21NL				9	7	76	0012345678910	0123456789
50	21137018	Nguyễn Phát Lộc	DH21NL				9	7	76	0012345678910	0123456789
51	21137101	Thái Lạc Quán Lương	DH21NL				9	7	76	0012345678910	0123456789
52	21137102	Đỗ Trọng Mạnh	DH21NL				9	7	76	0012345678910	0123456789
53	21137103	Nguyễn Đức Mạnh	DH21NL				9	7	76	0012345678910	0123456789
54	21137105	Nguyễn Anh Minh	DH21NL				8	7	73	0012345678910	0123456789
55	21137106	Nguyễn Khắc Phương Nam	DH21NL				8	6	66	0012345678910	0123456789
56	21137109	Nguyễn Thái Nguyên	DH21NL				9	8	83	0012345678910	0123456789
57	21137111	Quách Viết Nguyên	DH21NL				9	7	76	0012345678910	0123456789
58	21137108	Bùi Thành Ngự	DH21NL				9	7	76	0012345678910	0123456789
59	21137112	Đặng Phú Nhâm	DH21NL				9	7	76	0012345678910	0123456789
60	21137113	Nguyễn Lê Duy Nhật	DH21NL				9	7	76	0012345678910	0123456789
61	21137114	Nguyễn Hoài Nhuận	DH21NL				9	7	76	0012345678910	0123456789
62	21137115	Nguyễn Ngọc Phong	DH21NL				9	7	76	0012345678910	0123456789
63	21137116	Trương Hoàng Phú	DH21NL				9	7	76	0012345678910	0123456789
64	21137117	Huỳnh Trọng Phúc	DH21NL				9	7	76	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành nhiệt lạnh (207435) - 01

CBGD: Nguyễn Đức Khuyển (765)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	21137118	Nguyễn Hữu Phúc	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
66	21137119	Nguyễn Văn Phúc	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
67	21137120	Nguyễn Thành Phước	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
68	21137022	Phạm Ngọc Phước	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
69	21137124	Đoàn Duy Quang	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
70	21137125	Nguyễn Vũ Khôi	DH21NL				8	8	810	001234567●910	●123456789
71	21137126	Tô Văn Quang	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
72	21137122	Đoàn Minh Quân	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
73	21137123	Nguyễn Khắc Minh Quân	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
74	21137128	Phạm Ngọc Sáng	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
75	21137129	Phan Tiến Sỹ	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
76	21137130	Hồ Chí Tâm	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
77	21137131	Huỳnh Trọng Tấn	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
78	21137132	Phan Văn Thà	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
79	21137133	Phạm Lê Quốc Thái	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
80	21137134	Nguyễn Hoài Thanh	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành nhiệt lạnh (207435) - 01

CBGD: Nguyễn Đức Khuyến (765)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
81	21137135	Nguyễn Minh Thành	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
82	21137136	Nguyễn Tấn Thành	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
83	21137137	Phạm Tuấn Thành	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
84	21137138	Nguyễn Niên Thanh	DH21NL				8	7	73	00123456●8910	012●456789
85	21137140	Lê Phúc Thịnh	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
86	21137141	Nguyễn Truyền Thoại	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
87	21137143	Khuru Minh Thuận	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
88	21137144	Mai Công Thuận	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
89	21137147	Hoàng Cao Minh Tiến	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
90	21137148	Lâm Đạo Tiến	DH21NL				8	7	73	00123456●8910	012●456789
91	21137149	Nguyễn Nhật Tiến	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
92	21137150	Tô Nhật Tiến	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
93	21137152	Nguyễn Văn Tín	DH21NL				8	7	73	00123456●8910	012●456789
94	21137154	Trương Văn Tinh	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
95	21137153	Nguyễn Hữu Tính	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
96	21137155	Nguyễn Song Toàn	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành nhiệt lạnh (207435) - 01

CBGD: Nguyễn Đức Khuyến (765)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
97	21137156	Võ Quốc Toàn	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
98	21137157	Đinh Minh Trí	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
99	21137159	Nguyễn Quốc Trí	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
100	21137037	Phan Đình Trung	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
101	21137161	Nguyễn Văn Truyền	DH21NL				8	7	73	00123456●8910	012●456789
102	21137162	Nguyễn Thanh Tuấn	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
103	21137163	Nguyễn Trần Anh Tuấn	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
104	21137164	Trần Tùng	DH21NL				0	✓	✓	●012345678910	0123456789
105	21137165	Huỳnh Anh Tường	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
106	21137039	Nguyễn Quang Vinh	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
107	21137167	Nguyễn Tấn Vinh	DH21NL				9	7	76	00123456●8910	012345●789
108	21137168	Bùi Vạn Vương	DH21NL				0	✓	✓	●012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 5

Hiện diện: 103

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Nguyễn Đức Khuyến



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 01

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC				60	8.5	7.5	0012345678910	0123456789
2	18118195	Trần Nguyễn Trí	DH18CKC				70	9.0	8.2	0012345678910	0123456789
3	18118200	Nguyễn Thị Thu	DH18CKC				78	9.0	8.5	0012345678910	0123456789
4	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC				50	7.0	6.2	0012345678910	0123456789
5	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC				78	9.0	8.5	0012345678910	0123456789
6	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC				8.5	5.0	6.4	0012345678910	0123456789
7	18118209	Phạm Bùi Hải	DH18CKC				68	8.5	7.8	0012345678910	0123456789
8	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC				7.5	8.5	8.1	0012345678910	0123456789
9	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC				7.8	9.0	8.5	0012345678910	0123456789
10	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC				8.0	5.0	4.5	0012345678910	0123456789
11	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC				8.0	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
12	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC				7.8	9.0	8.5	0012345678910	0123456789
13	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC				8.5	9.0	8.8	0012345678910	0123456789
14	18118219	Nguyễn Đăng Quỳnh Trâm	DH18CKC				6.8	8.5	7.8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Thị Kim Nga

Th. S. Nguyễn Tấn Phúc



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 02

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
2	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD				7	8	7.6	0012345678910	0123456789
3	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
4	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD				7.6	5	6.1	0012345678910	0123456789
5	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
6	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
7	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
8	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
9	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
10	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
11	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD				6.8	8.5	7.9	0012345678910	0123456789
12	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
13	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
14	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
15	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
16	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD				7	7	7.0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 02

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD				5	8	6.8	0012345678910	0123456789
18	19153021	Lê Phước Hoài	DH19CD				0	0	0	0012345678910	0123456789
19	19153025	Lương Quang Huy	DH19CD				78	8	8.0	0012345678910	0123456789
20	19153026	Trần Quốc Huy	DH19CD				6	9	7.8	0012345678910	0123456789
21	19153029	Hoàng Cao Khải	DH19CD				68	5	5.8	0012345678910	0123456789
22	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
23	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
24	19153034	Chu Trương Đăng Khôi	DH19CD				0	0	0	0012345678910	0123456789
25	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
26	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
27	19153037	Đinh Văn Quyền Linh	DH19CD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
28	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
29	19153043	Lê Tấn Thương Minh	DH19CD				4	5	4.6	0012345678910	0123456789
30	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD				78	9	8.5	0012345678910	0123456789
31	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD				7	9	8.2	0012345678910	0123456789
32	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD				8	4	5.6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 02

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
34	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
35	15138045	Bùi Minh Nhật	DH15TD				5	8.5	7.1	0012345678910	0123456789
36	19153052	Đỗ Văn Tình	DH19CD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
37	19153053	Nguyễn Vương Nhựt	DH19CD				6.5	8	7.4	0012345678910	0123456789
38	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD				7.6	8	7.9	0012345678910	0123456789
39	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
40	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD				7.5	8.5	8.1	0012345678910	0123456789
41	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD				7.5	8.5	8.1	0012345678910	0123456789
42	19153062	Trần Nguyên Anh	DH19CD				0	0	0	0012345678910	0123456789
43	19138064	Vũ Đức	DH19TD				7.2	8.5	8.0	0012345678910	0123456789
44	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD				0	0	0	0012345678910	0123456789
45	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD				0	0	0	0012345678910	0123456789
46	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
47	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
48	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD				8	5	6.2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 02

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
49	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD				4	4	4.0	0012345678910	0123456789
50	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
51	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD				5	5	5.0	0012345678910	0123456789
52	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
53	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
54	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD				7	9	8.2	0012345678910	0123456789
55	19153077	Nguyễn Gia Thịnh	DH19CD				0	0	0	0012345678910	0123456789
56	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD				6	7	6.6	0012345678910	0123456789
57	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD				7.8	8.5	8.2	0012345678910	0123456789
58	19153079	Hoàng Thông	DH19CD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
59	19153080	Kiều Thuy	DH19CD				7.6	8.9	8.8	0012345678910	0123456789
60	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD				7.5	8	7.8	0012345678910	0123456789
61	19153082	Nguyễn Công Quyết Tiến	DH19CD				7.8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
62	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD				7	8.5	7.9	0012345678910	0123456789
63	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD				7	5	5.8	0012345678910	0123456789
64	19153086	Tạ Thị Ngọc Trinh	DH19CD				8	9	8.6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 02

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	19153087	Đặng Nguyễn Thành Trung	DH19CD				5	8	6.8	0012345678910	0123456789
66	19138087	Nguyễn Trọng	DH19TD				5	4	4.4	0012345678910	0123456789
67	19153088	Nguyễn Công Trường	DH19CD				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
68	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD				6	8.5	7.5	0012345678910	0123456789
69	19132020	Đoàn Thế Vinh	DH19TD				0	0	0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

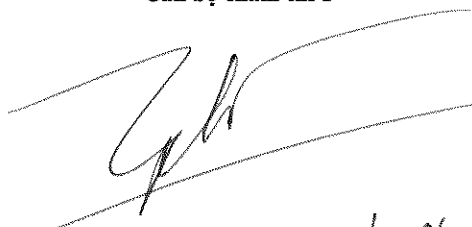
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trần Thị Kim Nga


Th.S. Nguyễn Tấn Phúc



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 03

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118127	NGUYỄN VIỆT NGUYỄN CHUÔNG	DH20CKC				7	5	5.8	0012345678910	0123456789
2	20118145	DƯƠNG NGUYỄN VIỆT DŨNG	DH20CKC				✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
3	20118151	Phùng khánh Duy	DH20CKC				7.8	8.5	8.2	0012345678910	0123456789
4	20118153	LÊ PHAN MINH HẢI	DH20CKC				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
5	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC				4	8.5	6.7	0012345678910	0123456789
6	20152009	VŨ ĐẶNG TUẤN KIẾT	DH20CKC				0	0	0	0012345678910	0123456789
7	20118089	THÁI TẤN LỘC	DH20CKC				7.2	5	5.9	0012345678910	0123456789
8	20118190	LÊ VĨNH LỢI	DH20CKC				4	9	7.0	0012345678910	0123456789
9	20118191	NGUYỄN ĐỨC LỢI	DH20CKC				5	0	2.0	0012345678910	0123456789
10	20118205	NGUYỄN NGỌC NGHĨA	DH20CKC				7.8	5	6.1	0012345678910	0123456789
11	20118226	ĐÀO SĨ PHONG	DH20CKC				7.8	8.5	8.2	0012345678910	0123456789
12	20118238	ĐỖ MINH QUANG	DH20CKC				7.8	8.5	8.2	0012345678910	0123456789
13	20118249	NGUYỄN VĂN TÂM	DH20CKC				8.8	9	8.9	0012345678910	0123456789
14	20118281	LÊ ANH TUẤN	DH20CKC				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
15	20118288	LƯƠNG NHẬT TRẦN VINH	DH20CKC				7.8	9	8.5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 28/03/2022 10:09

Trần Thị Kim Nga

Nguyễn Tấn Phúc



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: An toàn lao động& MT CN (207701) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118010	Nguyễn Hoàng Chinh	DH18CK				8	8	8	0012345678910	0123456789
2	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK							0012345678910	0123456789
3	18118023	Nguyễn Tấn Diên	DH18CK				8	8	8	0012345678910	0123456789
4	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK				8	8	8	0012345678910	0123456789
5	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK				8	9	8,7	0012345678910	012345689
6	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK				8	9	8,7	0012345678910	012345689
7	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL				8	9	8,7	0012345678910	012345689
8	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK				8	9	8,7	0012345678910	012345689
9	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL				8	9	8,7	0012345678910	012345689
10	19137028	Sầm Khắc Huy	DH19NL				8	9	8,7	0012345678910	012345689
11	18118051	Bùi Huynh	DH18CK				8	9	8,7	0012345678910	012345689
12	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL				8	9	8,7	0012345678910	012345689
13	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL				8	9	8,7	0012345678910	012345689
14	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL				8	8	8	0012345678910	0123456789
15	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL				8	8	8	0012345678910	0123456789
16	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK				8	8	8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: An toàn lao động& MT CN (207701) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK				8	8	8	0012345678910	0123456789
18	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK				8	8	8	0012345678910	0123456789
19	19118143	Lê Công Minh	DH19CK				8	8	8	0012345678910	0123456789
20	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK				8	8	8	0012345678910	0123456789
21	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK				8	8	8	0012345678910	0123456789
22	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK				8	8	8	0012345678910	0123456789
23	19154110	Huỳnh Đức Nhuận	DH19OT							0012345678910	0123456789
24	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK				8	8	8	0012345678910	0123456789
25	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
26	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
27	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
28	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
29	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
30	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
31	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
32	19137055	Nguyễn Thị Yến	DH19NL				8	9,5	9,1	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: An toàn lao động & MT CN (207701) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL				8	9,5	9,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
34	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC				8	9,5	9,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
35	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD				8	9	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
36	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK				8	9	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
37	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD				8	9	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
38	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD				8	8	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
39	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK				8	8	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
40	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK				8	8	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
41	19153077	Nguyễn Gia Thịnh	DH19CD							● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
42	19153079	Hoàng Thông	DH19CD				8	9	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
43	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK				8	9	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
44	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL							● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
45	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC				8	8	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
46	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC				8	8	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
47	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK				8	8	8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
48	19153086	Tạ Thị Ngọc Trinh	DH19CD				8	9	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

Cán bộ chấm thi 2

hầu thi 1 ĐM
Lê Văn Thiện



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
2	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT					8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
3	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
4	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT					7	7	00123456●8910	●123456789
5	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT					9	9	0012345678●10	●123456789
6	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT					9,5	9,5	0012345678●10	01234●6789
7	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT					9	9	0012345678●10	●123456789
8	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
9	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
10	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT					9,5	9,5	0012345678●10	01234●6789
11	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT					7,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
12	19154107	Đinh Minh Nhật	DH19OT					7	7	00123456●8910	●123456789
13	19154104	Trần Thanh Nguyên	DH19OT					8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
14	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
15	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
16	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789



Mã nhận dạng 02916

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT					8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
18	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT					7,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
19	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT					9	9	0012345678●10	●123456789
20	19154170	Hoàng Ngọc Tinh	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
21	19154169	Nguyễn Trọng Tính	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
22	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT					8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
23	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
24	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
25	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT					9	9	0012345678●10	●123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Văn Điện

Lê Văn Điện

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Lê Văn Điền (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
5	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
8	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19154065	Diệp Vĩ Khang	DH19OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
10	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19154096	Nguyễn Hà Phương Nam	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02917

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 02

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT					8	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT					8	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT					8	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT					9	9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT					7,5	7,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT					8	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT					8,5	8,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT						Vàng	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	19154197	Trần Thế Vỹ	DH19OT					8	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 03

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
2	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT					9	9	0012345678●910	●123456789
3	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
4	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT					7,5	7,5	00123456●8910	01234●6789
5	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT					9	9	0012345678●910	●123456789
6	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT					9	9	0012345678●910	●123456789
7	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT					9	9	0012345678●910	●123456789
8	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
9	19154048	Trần Hòa	DH19OT					9	9	0012345678●910	●123456789
10	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
11	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT					8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
12	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT					9,5	9,5	0012345678●910	01234●6789
13	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
14	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT					9,5	9,5	0012345678●910	01234●6789
15	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT					8	8	001234567●910	●123456789
16	19154101	Dương Trọng Ngôn	DH19OT					9	9	0012345678●910	●123456789



Mã nhận dạng 02918

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 03

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154102	Nguyễn Cao Nguyên	DH19OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
19	19154118	Não Hoài Phúc	DH19OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT					7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
21	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT					7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
22	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	19154162	Sơn Minh Thuận	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	19154165	Lê Việt Tiệp	DH19OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Văn Điện



Mã nhận dạng 02919

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 04

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT					7	7	0012345678910	0123456789
18	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
19	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
20	19154177	Nguyễn Nguyên Trường	DH19OT					9	9	0012345678910	0123456789
21	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT					9	9	0012345678910	0123456789
22	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT							0012345678910	0123456789
23	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT					7	7	0012345678910	0123456789
24	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
25	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT					9	9	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 1 Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Văn Điện

Lê Văn Điện



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 04

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT					8,5	8,5	00012345678910	0123456789
2	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT					8,5	8,5	00012345678910	0123456789
3	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT					8	8	00012345678910	0123456789
4	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT					8	8	00012345678910	0123456789
5	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT					9,5	9,5	00012345678910	0123456789
6	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT					8	8	00012345678910	0123456789
7	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT					9	9	00012345678910	0123456789
8	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT					8,5	8,5	00012345678910	0123456789
9	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT					9	9	00012345678910	0123456789
10	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT					7,5	7,5	00012345678910	0123456789
11	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT					8	8	00012345678910	0123456789
12	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT					8	8	00012345678910	0123456789
13	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT					7,5	7,5	00012345678910	0123456789
14	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT					8,5	8,5	00012345678910	0123456789
15	19154148	Lương Tấn Thành	DH19OT					7,5	7,5	00012345678910	0123456789
16	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT					8,5	8,5	00012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 05

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18154027	Đình Quốc Dũng	DH18OT					7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19154032	Võ Trùng Dương	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19154081	Trương Bảo Lam	DH19OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19154090	Trịnh Đình Vũ Long	DH19OT					7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19130141	Phạm Hoàng Nam	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18154092	Chau Số Phát	DH18OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT					9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18154107	Nguyễn Hữu Sum	DH18OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02920

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 05

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154145	Hồ Phan Long Thành	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19154184	Nguyễn Thanh Tùng	DH19OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 5

Hiện diện: 17

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Văn Điện

Lê Văn Điện



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Thực tập điện - điện tử ô tô (207744) - 06

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT					7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT					7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

Số lượng vắng: 01 Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

(Signature) Lê Văn Diễm *(Signature)* Lê Văn Diễm

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Lê Văn Diên (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT				8,5	7	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
3	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT				8	7	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
4	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
5	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT				8	7	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
6	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT				8	7	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
7	18154003	Trương Long Ân	DH18OT				8,5	7	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
8	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
9	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT				8	7	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
10	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
11	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
12	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
13	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT				8,5	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
14	18154027	Đình Quốc Dũng	DH18OT				8,5	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
15	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT				8	8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT				8,5	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Công nghệ bảo dưỡng & sửa chữa ô tô (207754) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
18	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
19	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
20	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
21	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT				9,5	8	8,5	0012345678910	0123456789
22	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
23	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
24	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
25	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT				9,5	8	8,5	0012345678910	0123456789
26	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
27	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
28	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
29	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
30	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
31	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
32	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Công nghệ bảo dưỡng & sửa chữa ô tô (207754) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154047	Nguyễn Hữu Minh Huy	DH18OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT				8,5	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	DH18OT				8,5	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	18154051	Đinh Nhĩ Khang	DH18OT				8,5	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT				8,5	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT				8	8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT				8	8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT				8	8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT				8	8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT				8,5	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT				8	8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT				9	8	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT				8,5	8	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Công nghệ bảo dưỡng & sửa chữa ô tô (207754) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
50	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
51	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
52	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
53	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
54	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT				9,5	8	8,5	0012345678910	0123456789
55	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
56	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
57	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
58	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT				9	8	8,3	0012345678910	0123456789
59	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
60	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
61	17154066	Đinh Xuân Nhật	DH17OT				8,5	9	8,9	0012345678910	0123456789
62	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT				9,5	9	9,2	0012345678910	0123456789
63	18154089	Đoàn Minh Nhó	DH18OT				9	9	9	0012345678910	0123456789
64	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT				9	9	9	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Công nghệ bảo dưỡng & sửa chữa ô tô (207754) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
65	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT				9,5	9	9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT				9	9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT				9	9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT				8,5	9	8,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
70	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT				8,5	9	8,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
71	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT				9	9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT				9	9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT				8	9	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
74	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT				9,5	9	9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT				8,5	9	8,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
76	18154107	Nguyễn Hữu Sum	DH18OT				8	9	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
77	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tảo	DH18OT				8,5	9	8,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
78	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT				9	9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT				8	9	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
80	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Công nghệ bảo dưỡng & sửa chữa ô tô (207754) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
81	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT				8	7	7,3	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
82	17154093	Ngân Văn	DH17OT				9	7	7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
83	18154116	Đặng Kim	DH18OT				9	7	7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
84	16154086	Bùi Xuân	DH16OT							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
85	18154113	Lê Đức	DH18OT				8,5	7	7,5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
86	18154114	Nguyễn Quốc	DH18OT				9	7	7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
87	18154115	Trần Hữu	DH18OT				9	7	7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
88	18154119	Đoàn Văn	DH18OT				9	7	7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
89	17154095	Huỳnh Minh	DH18OT				9	7	7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
90	18154120	Trần Quốc	DH18OT				9,5	7	7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
91	18154122	Hồ Văn	DH18OT				9	7	7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
92	18154123	Trương Văn	DH18OT				9	7	7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
93	18154124	Nguyễn Hữu	DH18OT				9	7	7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
94	18154125	Nguyễn Văn	DH18OT				8	7	7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
95	18154126	Võ Minh	DH18OT				8,5	7	7,5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
96	18154131	Nguyễn Tài	DH18OT				9	7	7,6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Công nghệ bảo dưỡng & sửa chữa ô tô (207754) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
97	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT				9	7	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
98	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT				8	7	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 96

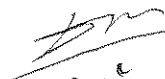
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Lê Văn Điện


Lê Văn Điện

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Ứng dụng máy tính trong thiết kế & mô phỏng động cơ (20775) - 01

CBGD: Dương Quốc Cường (T573)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT					7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
2	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT					7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
3	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT					7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	18154027	Đình Quốc Dũng	DH18OT					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT					9,0	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
11	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
13	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT					7,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT					7,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT					7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
16	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Ứng dụng máy tính trong thiết kế & mô phỏng động cơ (207758 - 02

CBGD: Dương Quốc Cường (T573)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT					7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
18	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT					7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
19	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
20	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT					9,0	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	18154105	Đình Hoàng Sơn	DH18OT					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	18154107	Nguyễn Hữu Sum	DH18OT					7,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tảo	DH18OT					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT					7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
27	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT					7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
28	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT					9,0	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
30	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT					8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT					7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Dương Quốc Cường (T573)

Số lượng vắng: 0

Hiên diện: 44

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Chợ_n
TS. Dương Quốc Cường

Xác nhận của khoa/bộ môn



Nguyễn Thị Ngọc

Ch
TS. Dining Room Ceiling